

Bản án số: 16/2025/HS-ST
Ngày: 27/9/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Hưng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lương Thị Thảo

2. Bà Đinh Thị Thủy

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Hà Thế Anh –Thư ký Tòa án khu vực 16- Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 tham gia phiên toà:*** bà Lê Thúy Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2025/HSST ngày 10/9/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HS ngày 15/9/2025 đối với các bị cáo:

1. Ngần Văn B2, tên gọi khác (không), sinh ngày 29/11/1998 tại xã B, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: xóm P, xã B, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngần Văn B, sinh năm 1978 và bà Khả Thị C, sinh năm 1979; Bị cáo có vợ là: Khả Thị H, sinh năm 2004 và có 01 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 12/6/2025 chuyển tạm giam ngày 19/6/2025. Có mặt.

2. Ngần Văn B1, tên gọi khác (không), sinh ngày 21/10/1979 tại xã B, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: xóm P, xã B, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngần Văn T, sinh năm 1954 và bà Hà Thị T1 (Đã chết); Bị cáo có vợ là Hà Thị H1 và có 01 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 12/6/2025 và chuyển tạm giam ngày 19/6/2025. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liênquan: bà Khả Thị C, sinh năm 1979; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi cư trú: xóm P, xã B, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 10 phút ngày 12/6/2025, tổ công tác do cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H phối hợp cùng công an các xã C, B, Xăm K và cảnh sát

giao thông Công an tỉnh H làm nhiệm vụ tại xóm P, xã P, tỉnh Phú Thọ. Tổ công tác phát hiện Ngân Văn B2 điều khiển xe mô tô BKS 28E1- 112.57, ngồi phía sau có Ngân Văn B1 có nhiều biểu hiện nghi vấn. Tổ công tác yêu cầu B2 dừng xe để kiểm tra hành chính, do lo sợ nên Ngân Văn B1 đã ném 01bọc nilon màu hồng xuống lề đường bên trái hướng H - C, nhưng đã bị phát hiện. Ngân Văn B2 và Ngân Văn B1 khai nhận đó là gói ma túy mua về để cùng sử dụng. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng gồm: 01 gói ma túy, 02 chiếc điện thoại và xe mô tô BKS 28E1- 112.57.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận: Vào khoảng 15 giờ ngày 12/6/2025, do cả hai có nhu cầu sử dụng ma túy nên B2 đã rủ B1 mỗi người góp 100.000 đồng mua ma túy. Ngân Văn B2 điều khiển xe mô tô BKS 28E1- 112.57 chở B1 từ B đến khu vực H để mua ma túy. Khi đến khu vực đường liên thôn thuộc xã P, tỉnh Phú Thọ, B2 dừng xe bảo B1 đứng chờ còn Bằng một mình đi bộ đến gần lán nương thì gặp một người đàn ông không quen biết, qua nói chuyện B2 đưa cho người đàn ông đó 200.000 đồng, 15 phút sau người đàn ông quay lại đưa cho B2 01 gói ni lon màu hồng bên trong có ma túy. Sau khi mua được B2 đi ra chỗ B1 đang đứng chờ và đưa ma túy cho B1 cất giấu. Ngân Văn B2 điều khiển xe mô tô chở Ngân Văn B1 về nhà khi cả hai đến địa phận xóm P, xã P, tỉnh Phú Thọ thì bị yêu cầu dừng xe để kiểm tra B1 đã vứt gói ma túy xuống đường nhưng đã bị phát hiện và bị thu giữ toàn bộ vật chứng.

Tại biên bản ghi lời khai, ngày 27/8/2025 thể hiện xe mô tô BKS 28E1- 112.57 mang tên Ngân Văn B2 là do bà Khả Thị C mua sau đó để Ngân Văn B2 đứng tên, đây là phương tiện đi lại chung của cả gia đình. Việc Ngân Văn B2 mượn xe đi mua ma túy bà không biết nên bà đề nghị xin lại xe mô tô.

Tại bản Kết luận giám định số 325/KL-KTHS ngày 18/6/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh H kết luận: Các viên nén trong phong bì niêm phong “ Vật chứng thu giữ của Ngân Văn B2 và Ngân Văn B1 ” gửi giám định có khối lượng 1,07gam là ma túy, loại Methamphetamine.

Bản cáo trạng số 10/CT-VKS- KV16 ngày 09/9/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 truy tố các bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt Ngân Văn B2 từ 19 tháng đến 21 tháng tù, Ngân Văn B1 từ 18 tháng đến 20 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Các bị cáo không có việc làm, không có thu nhập ổn định nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 bộ luật Tố tụng Hình sự. Đề nghị tịch thu toàn bộ số ma túy của các bị cáo hoàn lại sau giám định để tiêu hủy.

Đề nghị trả lại xe mô tô và hai điện thoại di động cho chủ sở hữu hợp pháp.

Đề nghị áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo công tác thi hành án.

Các bị cáo nhất trí với nội dung bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã khai nhận về hành vi phạm tội như sau: Do nghiện ma túy nên ngày 12/6//2025 Ngần Văn B2 đã rủ Ngần Văn B1 mỗi người góp 100.000 đồng để cùng nhau đi mua 1,07gam Methamphetamine với mục đích để sử dụng cho bản thân. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản khám xét; biên bản mở niêm phong, xác định trọng lượng, lấy mẫu giám định, biên bản hỏi cung và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử xem xét, thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận Ngần Văn B2 và Ngần Văn B1 phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) Heroine, C1, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

Từ đó khẳng định bản cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát đối với các bị cáo là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, HĐXX thấy rằng: Các bị cáo đều là người nghiện ma túy, phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về công tác quản lý các chất ma túy, làm gia tăng các tệ nạn xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng để thỏa mãn cơn nghiện của mình, các bị cáo đã cố tình phạm tội. Các bị cáo đều là đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết, phân công tổ chức trong quá trình phạm tội.

Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và cá thể hóa vai trò của từng bị cáo.

Đối với Ngân Văn B2 là người khởi xướng rủ Ngân Văn B1 cùng góp mỗi người 100.000 đồng để mua ma túy, sử dụng phương tiện của gia đình chở B1 cùng đi mua, Ngân Văn B2 là người trực tiếp đi mua ma túy nên bị cáo phải chịu hình phạt cao hơn so với Ngân Văn B1. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải. Tình tiết này được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với Ngân Văn B1 là người tích cực giúp sức cùng Ngân Văn B2 đi mua ma túy, bị cáo cũng góp 100.000 đồng, khi mua được ma túy Ngân Văn B1 là người cất giấu ma túy nên bị cáo cũng phải chịu mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo. Tình tiết này được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với xe mô tô 28E1- 112.57, bà Khả Thị Chuẩn xác N là tài sản chung của gia đình, bà C không biết Ngân Văn B2 sử dụng đi mua ma túy nên không có căn cứ để tiếp tục xem xét.

[4] Về vật chứng của vụ án: Cần tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy của các bị cáo được hoàn trả sau giám định.

- Đối với xe mô tô 28E1- 112.57 mang tên Ngân Văn B2, xe có nguồn gốc của gia đình, mặt khác xe mô tô không phải là phương tiện phạm tội nên cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với 02 chiếc điện thoại di động là tài sản riêng của các bị cáo không dung vào việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo.

[5] Về tội danh, hình phạt, điều luật áp dụng, hình phạt bổ sung và các vấn đề khác mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị. Xét thấy có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 47 ; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 332; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Ngân Văn B2 và Ngân Văn B1 phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Ngân Văn B2 20 tháng (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 12/6/2025.

- Xử phạt bị cáo Ngân Văn B1 19 tháng (Mười chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 12/6/2025.

3. Về vật chứng của vụ án:

- T2 tịch thu để tiêu hủy: 01(một) phong bì niêm phong mẫu vật còn lại sau giám định, một mặt ghi mẫu vật còn lại sau giám định vụ: Ngân V, Ngân Văn B1
- Tàng trữ trái phép chất ma túy. Xảy ra ngày 12/6/2025. Tại: xã C, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Mép dán có chữ ký các thành phần tham gia niêm phong và dấu tròn đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh H.

- Trả lại Ngân Văn B2, sinh ngày 29/11/1998; Nơi cư trú: xóm P, xã B, tỉnh Phú Thọ gồm: 01 xe mô tô BKS 28E1- 112.57, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Exciter, màu sơn đen; số khung RLCUG0610GY285249; Số máy: G3D4E299343; xe không có gương chiếu hậu, không có chìa khóa, xe bong sơn trầy xước có nhiều vết nứt vỡ ngoài thân, vỏ, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy móc bên trong.

+ 01 điện thoại di động IPHONE XS Mã màu vàng, mặt sau có chữ IPHONNE, bên trong có 01 sim V ký hiệu sim 898404800 00400 17725, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy móc bên trong.

- Trả lại Ngân Văn B1, sinh ngày 21/10/1979; Nơi cư trú: xóm P, xã B, tỉnh Phú Thọ, 01 điện thoại di động màu xanh(Tím) đen, mặt sau có chữ VIVO, bên trong có 01 sim V ký hiệu sim 8984048000315538749, điện thoại cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng máy móc bên trong.

Vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16, tỉnh Phú Thọ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 13/PTHADSKV16 ngày 18/9/2025.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, cụ thể mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để xin xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh PT;
- VKSND tỉnh PT;
- Sở Tư pháp tỉnh PT;
- Trại tạm giam cơ sở 3;
- Phòng Hồ sơ CAT PT;
- VKSND khu vực 16;
- THA hình sự;
- Phòng THA dân sự khu vực 16;
- UBND xã Bao La;
- Bị cáo; người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Hồng Hưng

